

## ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN - ĐỀ SỐ 01

Đề thi môn: **CHUYÊN ĐỀ WEB**

Mã môn học: **214374**

Thời gian làm bài: 90 phút

Được sử dụng tài liệu khi làm bài

---

**Câu 1:** **AJAX** là viết tắt của

- a) Automatic junk annihilation extension
- b) Asynchronyous javascript and xml
- c) Another javascript and xml
- d) Auto Javascript and Xml

**Câu 2:** Đối tượng **XMLHttpRequest** thực hiện gì trong **AJAX**?

- a) Nó là ngôn ngữ lập trình dùng để phát triển ứng dụng **AJAX**.
- b) Nó cung cấp khả năng đánh dấu và định kiểu cho việc hiển thị văn bản trên trang web.
- c) Nó cung cấp phương tiện để trao đổi dữ liệu có cấu trúc giữa client và web server.
- d) Nó cung cấp khả năng trao đổi bất đồng bộ dữ liệu giữa trình duyệt và web server.

**Câu 3:** jQuery không hỗ trợ kỹ thuật gì sau đây

- a) HTML events
- b) HTML/DOM Manipulation
- c) PHP Bytecode
- d) AJAX

**Câu 4:** **\$("#temp").action()**

Kiểu bộ chọn (**selector**) gì trong cú pháp jQuery được dùng ở câu lệnh trên?

- a) name selector
- b) id selector
- c) class selector
- d) value selector

**Câu 5:** Hàm nào của jQuery được dùng để ngăn việc chạy các mã javascript trước khi tài liệu được tải xong?

- a) **\$(document).ready()**
- b) **\$(body).onload()**
- c) **\$(document).load()**

**Câu 6:** Với jQuery, cho phép toán chọn sau: **\$("div.intro")**. Nó chọn gì?

- a) Tất cả các thành phần **div** với css **class="intro"**
- b) Tất cả các thành phần **div** với **id="intro"**
- c) Thành phần **div** đầu tiên với **class="intro"**
- d) Thành phần **div** đầu tiên với **id="intro"**

**Câu 7:** Điều nào sau đây là phát biểu đúng về Spring framework?

- a) Spring là một framework Java mã nguồn mở để phát triển ứng dụng doanh nghiệp.
- b) Spring là framework có bản quyền.

- c) Spring cho phép phát triển ứng dụng quy mô lớn dùng các lớp Java bình thường (POJO).
- d) Spring được tổ chức thành các module.
- e) Việc kiểm chứng một ứng dụng viết bằng Spring đơn giản vì mã phụ thuộc vào môi trường được di chuyển vào trong framework này.
- f) Spring là một framework để phát triển ứng dụng doanh nghiệp dùng PHP.

**Câu 8:** Kiểu cảm phụ thuộc nào Spring hỗ trợ?

- a) Constructor based, Setter based
- b) Constructor based, Setter based, Getter Based
- c) Setter based, Getter based, Properties based
- d) Constructor based, Setter based, Properties based

**Câu 9:** Trong Spring MVC, **DispatcherServlet** là gì?

- a) **DispatcherServlet** được dùng để quản lý giao tác (transaction management).
- b) **DispatcherServlet** được dùng để lập trình hướng lĩnh vực (AOP).
- c) **DispatcherServlet** điều khiển tất cả các HTTP request và HTTP response.
- d) **DispatcherServlet** được dùng để cảm phụ thuộc (Dependency injection).

**Câu 10:** Phạm vi singleton của bean là gì?

- a) Phạm vi này xác định có một thể hiện bean duy nhất trong một Spring IoC container.
- b) Phạm vi này xác định có một thể hiện bean duy nhất trong HTTP Request.
- c) Phạm vi này xác định có một thể hiện bean duy nhất trong HTTP Session.
- d) Phạm vi này xác định có một thể hiện bean duy nhất trong HTTP Application/ Global session.

**Câu 11:** Phạm vi mặc nhiên của một bean trong Spring framework?

- a) **singleton**
- b) **prototype**
- c) **request**
- d) **session**

**Câu 12:** Trong Spring, làm thế nào để chuyển thành việc nối kết bean bằng annotation?

- a) Thêm **<annotation-context:config />** tới file cấu hình bean.
- b) Thêm **<annotation-config />** tới file cấu hình bean.
- c) Thêm **<annotation-context-config />** tới file cấu hình bean.
- d) Thêm **<context:annotation-config/>** tới file cấu hình bean.

**Câu 13:** Trong Spring MVC, có thể định nghĩa bean bằng các annotation mô tả kiểu mở rộng sau?

- a) **@Component, @Entity, @Service, @Controller**
- b) **@Component, @Controller, @Service, @Repository**
- c) **@Repository, @Service, @Controller, @Entity**
- d) Không câu nào đúng

**Câu 14:** Trong Spring MVC, **@Controller** annotation là gì?

- a) Đăng ký một lớp đặc biệt có vai trò của một bộ điều khiển xử lý các HTTP request.
- b) Chỉ ra làm thế nào để điều khiển việc quản lý giao dịch.
- c) Chỉ ra làm thế nào để điều khiển việc cảm phụ thuộc (dependency injection).
- d) Chỉ ra làm thế nào để điều khiển việc quản lý cơ sở dữ liệu

**Câu 15:** Các ORM (Object-Relation Mapping) nào mà Spring hỗ trợ?

- a) Hibernate
- b) iBatis
- c) JPA
- d) JDBC
- e) Tất cả điều trên đúng.

**Câu 16:** Trong Spring, làm thế nào để tự động cắm vào một trường của một bean bằng một bean khác dùng tên của nó?

- a) Dùng thuộc tính name của **@Autowired** annotation
- b) Bằng cách sử dụng duy nhất một **@Qualifier** annotation
- c) Bằng cách sử dụng cả hai **@Autowired** và **@Qualifier** annotation của Spring
- d) Bằng cách sử dụng **@Autowired** annotation và đặt tên trường trùng với tên bean

**Câu 17:** Tên của tham số (phần chứa ?????) xác định vị trí của file cấu hình Spring MVC trong file **web.xml**?

```
<servlet>
  <servlet-name>mvc-dispatcher</servlet-name>
  <servlet-class>
    org.springframework.web.servlet.DispatcherServlet
  </servlet-class>
  <init-param>
    <param-name>????</param-name>
    <param-value>
      /WEB-INF/spring/mvc-config.xml
    </param-value>
  </init-param>
  <load-on-startup>1</load-on-startup>
</servlet>
<servlet-mapping>
  <servlet-name>mvc-dispatcher</servlet-name>
  <url-pattern>/</url-pattern>
</servlet-mapping>
```

- a) **contextListener**
- b) **configurationLocation**
- c) **contextConfigLocation**

**Câu 18:** Cài đặt **ViewResolver** mặc nhiên được cấu hình cho Spring MVC là?

- a) **InternalResourceViewResolver**
- b) **JspResourceViewResolver**
- c) **UrlBasedViewResolver**
- d) **BeanNameViewResolver**

**Câu 19:** Spring MVC framework là gì?

- a) Spring MVC framework là kiến trúc Model-Value-Class được dùng để liên kết dữ liệu model với cá giá trị.
- b) Spring MVC framework cung cấp kiến trúc Model-View-Controller và các thành phần xây dựng sẵn có thể dùng phát triển ứng dụng web linh động và phụ thuộc yếu.
- c) Spring MVC framework được dùng để quản lý giao tác (transaction management) cho ứng dụng Web.
- d) Spring MVC framework được dùng để lập trình hướng lĩnh vực cho ứng dụng Web.

**Câu 20:** Trong **web.xml**, tên của servlet được cấu hình là **mvc-dispatcher**. Khi đó tên mặc nhiên của file cấu hình Spring MVC là gì?

- a) **mvc-config.xml**
- b) **mvc-dispatcher.xml**
- c) **mvc-dispatcher-servlet.xml**
- d) **servlet-mvc-dispatcher.xml**

**Câu 21:** Cho Spring MVC controller sau, request nào sẽ gọi phương thức **call**?

```
@Controller
@RequestMapping("/persons")
public class PersonsController {
    @RequestMapping("/list")
    public String call(Model model,HttpServletRequest rq) {
        ...
    }
}
```

- a) **http://localhost:8080/persons**
- b) **http://localhost:8080/persons/list**
- c) **http://localhost:8080/persons/call**

**Câu 22:** Chọn các phát biểu đúng về **Data Binding**?

- a) Là kỹ thuật mà ứng dụng Spring MVC dùng để liên kết dữ liệu trên web form với thuộc tính của đối tượng Java Bean.
- b) Là kỹ thuật ánh xạ các đối tượng vào các bảng của cơ sở dữ liệu quan hệ.
- c) Nó chuyển đổi dữ liệu dạng chuỗi trên web form thành kiểu dữ liệu java tương ứng với thuộc tính của đối tượng Java liên kết với nó, và thực hiện việc kiểm tra tính hợp lệ của dữ liệu.
- d) Nó chỉ được dùng cho web services.

**Câu 23:** Các kỹ thuật view nào không được hỗ trợ bởi Spring MVC?

- a) **JSP**
- b) **PHP**
- c) **Velocity templates**
- d) **XSLT**
- e) **ASP**
- f) **Tiles**

**Câu 24:** Phát biểu đúng về HTTP Accept header?

- a) Nó được dùng trong ứng dụng Spring MVC để quyết định kiểu dữ liệu được yêu cầu bởi client là một trình duyệt.
- b) Nó được dùng cho REST web services.
- c) Nó được client là trình duyệt tạo ra trong request để xác định nội dung dữ liệu được gửi cho server.
- d) Nó được dùng để đặt tham số cho phương thức controller của ứng dụng Spring MVC.

**Câu 25:** Trong Spring, cho các định nghĩa bean sau trong file cấu hình

1. `<bean class="com.spring.service.MyServiceImpl">`  
    `<property name="repository" ref="jpaDao"/>`  
    `</bean>`
2. `<bean class="com.spring.repository.JpaDao"/>`

Điều nào sau đây đúng?

- a) (1) định nghĩa bean thuộc lớp **MyServiceImpl** thiếu thuộc tính **id** để đặt tên bean là **myService**
- b) (2) định nghĩa bean thuộc lớp **JpaDao** thiếu thuộc tính **id** để đặt tên bean là **jpaDao**
- c) Cả hai a và b đúng.
- d) Cả hai a và b sai.

**Câu 26:** Cho controller sau, khai báo phương thức **show** có đúng không?

```
@Controller
@RequestMapping("/persons")
public class PersonsController {
    @RequestMapping("/{id}")
    public String show(@PathVariable String number, Model model) {
        ...
    }
}
```

- a) Yes
- b) No

**Câu 27:** Dữ liệu gì mà một phương thức điều khiển của Spring MVC không được trả về?

- a) Một chuỗi **string**
- b) Một đối tượng **Model**
- c) Một đối tượng **ModelAndView**
- d) Một đối tượng **JstlView**
- e) Giá trị **null**

**Câu 28:** Phát biểu đúng về cấu hình dùng chú giải (annotation-based configuration)?

- a) Chú giải một lớp là **Controller** không đủ để lớp điều khiển request; Lớp này cần phải mở rộng lớp **AbstractController** của Spring.
- b) **@RequestMapping** annotation được dùng cho cả mức lớp và phương thức.
- c) Để cho phép tự động tìm các lớp controller, chúng ta phải cho phép quét các thành phần trong cấu hình.
- d) **@ModelAttribute** annotation có thể dùng để chú giải đối số của phương thức controller.

**Câu 29:** Spring MVC có hỗ trợ kiểm tra tính hợp lệ (validation) dữ liệu của form không?

- a) Yes
- b) No

**Câu 30:** Các annotation nào sau đây dùng để kiểm tra hợp lệ dữ liệu trên các thuộc tính của đối tượng form dùng **JSR 303 Bean Validator API**?

- a) **@NotNull**
- b) **@Size**
- c) **@Valid**
- d) **@NotEmpty**
- e) **@Constraint**
- f) **@Required**
- g) **@Pattern**

**Câu 31:** Trong JSF, chọn các phát biểu đúng

- a) Sự khác nhau giữa một java bean bình thường và một managed bean là managed bean cũng là một java bean bình thường nhưng vòng đời được quản lý bởi JSF.

- b) Mục đích duy nhất của managed bean là lưu giữ trạng thái của trang web.
- c) Các managed bean không nên có biến thể hiện khai báo là public.
- d) Một trang JSF không được phép truy xuất nhiều hơn một managed bean.
- e) Thuộc tính của managed bean nên được truy xuất thông qua các phương thức getXxx và setXxx.

**Câu 32:** Điều gì là đặc trưng của JSF managed bean?

- a) Nó nên có các phương thức getter và setter cho các biến.
- b) Nó nên có một constructor rỗng.
- c) Chúng buộc ứng xử của web form người dùng với nhau.
- d) Tất cả điều trên đều đúng.

**Câu 33:** Cho 2 file message.properties, message\_vi.properties cho các thông báo tiếng Anh và tiếng Việt. Ngôn ngữ mặc nhiên là tiếng Anh và giả sử đã được cấu hình đúng trong file faces-config.xml. Là thế nào để hiển thị các chuỗi thông báo tiếng Việt trong ứng dụng.

- a) Xác định <f:loadBundle locale="vi"> trong các file JSF.
- b) Xác định <f:view locale="vi"> trong các file JSF.
- c) Xác định <current-locale>vi<current-locale> trong faces-onfig.xml.
- d) Không điều nào đúng.

**Câu 34:** Trong JSF, kết quả là gì khi phương thức xử lý action của **commandLink/commandButton** trả về giá trị **null** cho chuỗi kết quả để điều khiển chuyển trang.

- a) Ném một ngoại lệ.
- b) Thực hiện phương thức xử lý và ném một ngoại lệ.
- c) Thực hiện phương thức xử lý và hiển thị trang hiện thời.

**Câu 35:** Trong JSF, cho backing bean được đăng ký là thể hiện của lớp sau:

```
@ManagedBean
public class TestBean {
    public String action() {
        System.out.println("Do ACTION");
        return null;
    }
}
```

và có nút lệnh trên một trang như sau:

```
<h:commandButton id="button" action="#{testBean.action}" />
```

Điều gì xảy ra khi click vào nút lệnh?

- a) Không có gì xảy ra
- b) Console hiển thị chuỗi "Do ACTION" và không có chuyển trang
- c) Ném một ngoại lệ

**Câu 36:** Trong JSF, servlet mapping cho Faces servlet trong **web.xml** là

```
<servlet-mapping>
    <servlet-name>Faces Servlet</servlet-name>
    <url-pattern>*.faces</url-pattern>
</servlet-mapping>
```

Giả sử ngữ cảnh ứng dụng web là **/mywebapp**, khi đó có thể truy xuất trang **index.xhtml** :

- a) http://localhost:8080/mywebapp/index.xhtml
- b) http://localhost:8080/mywebapp/faces.index
- c) http://localhost:8080/mywebapp/faces/index.xhtml
- d) http://localhost:8080/mywebapp/index.faces

**Câu 37:** Trong JSF, mã để lấy thiết lập locale hiện thời (thiết lập về ngôn ngữ, định dạng số ngày giờ, ...) trong backing bean là gì?

- a) `FacesContext context = FacesContext.getCurrentInstance();  
Locale locale = context.getViewRoot().getLocale();`
- b) `FacesContext context = FacesContext.getCurrentInstance();  
Locale locale = context.getLocale();`
- c) `FacesContext context = FacesContext.getCurrentInstance();  
Locale locale = context.getApplication().getDefaultLocale();`

**Câu 38:** Trong JSF, giả sử muốn cung cấp một input mà sẽ kiểm tra dữ liệu nhập của người dùng là một số nguyên có giá trị từ 1 tới 5. Mã nào sau đây tương ứng với yêu cầu:

- a) `<h:inputText id="rating" value="#{someBean.rating}" required="true"  
type="long" minimum="1" maximum="5"/>`
- b) `<h:inputText id="rating" value="#{someBean.rating}" required="true">  
    <f:validateLongRange minimum="1" maximum="5"/>  
</h:inputText>`
- c) `<h:inputLong id="rating" value="#{someBean.rating}" required="true"  
minimum="1" maximum="5"/>`
- d) `<h:inputText id="rating" value="#{someBean.rating}" required="true">  
    <f:validate type="long" range="1..5"/>  
</h:inputText>`

**Câu 39:** Trong JSF, các cú pháp ngôn ngữ EL nào sau đây là đúng để truy xuất một giá trị lưu trong một cấu trúc map?

- a) `#{map.key}`
- b) `#{map['key']}`
- c) `#{map['key'].value}`
- d) `#{map.get('key')}`

**Câu 40:** Khai báo chuyển trang trong JSF như sau

```
<navigation-rule>  
  <from-view-id>/login.xhtml</from-view-id>  
  <navigation-case>  
    <from-outcome>ok</from-outcome>  
    <to-view-id>/main.xhtml</to-view-id>  
  </navigation-case>  
  <navigation-case>  
    <from-outcome>failed</from-outcome>  
    <to-view-id>/error.xhtml</to-view-id>  
  </navigation-case>  
</navigation-rule>
```

Trang nào sẽ hiển thị nếu phương thức action gọi trong trang login.xhtml trả về "failed"?

- a) login.xhtml vì lỗi xác định trong từ khóa khai báo navigation
- b) error.xhtml
- c) main.xhtml
- d) Không câu nào đúng

**Câu 41:** Phạm vi nào của bean không được hỗ trợ bởi JSF?

- a) application
- b) session
- c) page
- d) request



**Câu 42:** Trong JSF, thuộc tính nào có thể dùng để ẩn thành phần UI?

- a) `display="false"`
- b) `unrendered="true"`
- c) `rendered="false"`
- d) `value=""`

**Câu 43:** Để khai báo nhiều file cấu hình cho ứng dụng JSF, thêm khai báo sau trong file `/WEB-INF/web.xml`

- a) `<context-param>`  
    `<param-name>javax.faces.CONFIG_FILES</param-name>`  
    `<param-value>/WEB-INF/navigation.xml,/WEB-INF/beans.xml</param-value>`  
    `</context-param>`
- b) `<init-param>`  
    `<param-name>javax.faces.CONFIG_FILES</param-name>`  
    `<param-value>/WEB-INF/navigation.xml,/WEB-INF/beans.xml</param-value>`  
    `</init-param>`
- c) Không thành phần nào ở trên

**Câu 44:** Đoạn mã JSF nào sau đây có thể dùng để xác định giá trị mặc nhiên cho thẻ `<h:selectManyCheckbox>` khi `myBean` trong biểu thức buộc giá trị không tìm thấy?

- a) `<h:selectManyCheckbox>`  
    `<f:selectItem value="#{myBean.value}" itemValue="1"`  
        `itemLabel="Value"/>`  
    `</h:selectManyCheckbox>`
- b) `<h:selectManyCheckbox>`  
    `<f:selectItem itemValue="#{myBean.value}" value="1"`  
        `itemLabel="Value"/>`  
    `</h:selectManyCheckbox>`
- c) Không câu nào trên đúng

**Câu 45:** Trong JSF, để lấy một biến có tên `"myVar"` trong phạm vi `request` dùng mã gì?

- a) `FacesContext context = FacesContext.getCurrentInstance();`  
    `Object o = context.getExternalContext().getRequest().get("myVar");`
- b) `FacesContext context = FacesContext.getCurrentInstance();`  
    `Object o = context.getExternalContext().getRequestMap().get("myVar");`
- c) `FacesContext context = FacesContext.getCurrentInstance();`  
    `Object o = context.getApplication().getRequest().get("myVar");`

**Câu 46:** Kiểu dữ liệu gì có thể buộc cho thuộc tính `value` của thẻ JSF

`<f:selectItems value="#{_____}" />`

- a) `SelectItem`
- b) `SelectItem[]`
- c) `Collection<SelectItem>`
- d) Map với các mục biểu diễn các giá trị `value` và `label` của `SelectItem`
- e) `Null`

**Câu 47:** Trong JSF, có thể định nghĩa message bundle riêng của ứng dụng bằng cách thêm mục sau vào vào file cấu hình `WEB-INF/faces-config.xml`:

```
<application>
  <message-bundle>com.myapp.errorMessages</message-bundle>
</application>
```

- a) Đúng
- b) Sai



**Câu 48:** Đoạn mã JSF nào tạo liên kết html như

`<a href="http://www.mylink.com?projectId=123&userId=45">Go</a> ?`

- a) `<h:outputLink value="http://www.mylink.com";>  
    <f:param name="projectId" value="123" />  
    <f:param name="userId" value="45" />  
    <h:outputText value="Go" />  
</h:outputLink>`
- b) `<h:outputFormat value="http://www.mylink.com";>  
    <f:param name="projectId" value="123" />  
    <f:param name="userId" value="45" />  
    <h:outputText value="Go" />  
</h:outputFormat>`
- c) `<h:commandLink  
    value="http://www.mylink.com?projectId=123&userId=45" />`

**Câu 49:** Chọn các câu đúng nói về đoạn mã JSF sau:

`<h:outputFormat value="You have visited us {0} {0, choice, 0#times|1#time}.">  
    <f:param value="#{user.numberOfVisits}"/>  
</h:outputFormat>`

- a) Nếu `user.numberOfVisits` bằng 0, thì kết xuất là:  
    You have visited us 0 times.
- b) Nếu `user.numberOfVisits` bằng 1, thì kết xuất là:  
    You have visited us 1 time.
- c) Nếu `user.numberOfVisits` nhỏ hơn 0, thì kết xuất là:  
    You have visited us <giá trị `user.numberOfVisits`> times.
- d) Nếu `user.numberOfVisits` lớn hơn 1, thì kết xuất là:  
    You have visited us <giá trị `user.numberOfVisits`> time.
- e) Nếu `user.numberOfVisits` không bằng với một trong các chọn lựa trong mẫu thì chuỗi rỗng được dùng:  
    You have visited us <giá trị `user.numberOfVisits`> .

**Câu 50:** Thẻ để kiểm tra hợp lệ và chuyển đổi kiểu nào sau đây được định nghĩa trong thư viện core của JSF?

- a) `f:convertNumber`
- b) `f:validateLength`
- c) `f:convertDecimal`
- d) `f:validateLongRange`
- e) None of the above

Hết

**TRƯỞNG BỘ MÔN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....

.....